

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
PHƯỚC LỘC THÀNH**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHƯỚC LỘC THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUOC LOC THANH ENGINEERING SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502413662

**3. Ngày thành lập:** 17/12/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 278/19 Lê Lợi, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0911976379

Fax:

Email: phuoclocthanhtse@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                  | 2592(Chính) |
| 2.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)<br>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ tàu thuyền; Sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện nổi;   | 3315        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng giàn ống công nghệ, nhà xưởng, bồn chứa, container                                                                                    | 3319        |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                       | 3320        |
| 5.  | Sản xuất máy thông dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoạt bột như: Súng phun, bình cứu hỏa, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi,...             | 2819        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                         | 4322        |
| 7.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị cơ khí, thiết bị xử lý bề mặt và tráng phủ kim loại | 7730        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn sơn                                                                                                             | 4663        |
| 9.  | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                                      | 2513        |
| 10. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                    | 2512        |
| 11. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                    | 2813        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 12. | Đóng tàu và cầu kiện nổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3011                                                         |
| 13. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2816                                                         |
| 14. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2818                                                         |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán các loại thiết bị, dụng cụ (Máy khoan, máy cắt, máy mài, ....); Mua bán các loại dụng cụ, vật tư khác (Que hàn, đá cắt, tua vít, búa long, ốc vít, đinh, ....); Bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời,..; Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tủ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác | 4659                                                         |
| 16. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Mua bán sắt thép các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662                                                         |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321                                                         |
| 18. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8129                                                         |
| 19. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3900                                                         |
| 20. | Thu gom rác thải độc hại<br>Chi tiết: Thu gom rác thải công nghiệp, rác thải y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3812                                                         |
| 21. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>Chi tiết: Hoạt động xử lý rác thải rắn (sinh hoạt).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3821                                                         |
| 22. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>Chi tiết: Hoạt động xử lý rác thải rắn (công nghiệp, bệnh viện).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3822                                                         |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận chuyển rác thải.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4933                                                         |
| 24. | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3511                                                         |
| 25. | Truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3512                                                         |
| 26. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời, ..                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329                                                         |
| 27. | - Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.<br>Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHƯỚC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 044084003730

Ngày cấp: 28/10/2019

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành  
Chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 278/19 Lê Lợi, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 278/19 Lê Lợi, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng  
Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu